

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2025 (Khoá AT13 – AT17). Lần 2

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	150	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17CK	7	
2	100	AT160405	Nguyễn Doãn Nam	Anh	AT16DK	6	
3	125	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	AT17AK	1	
4	126	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17HK	2.5	
5	151	AT170603	Mai Vũ Quốc	Anh	AT17GK	5.5	
6	175	AT170403	Dương Tuấn	Anh	AT17DK	5	
7	176	AT140401	Dương Trung	Anh	AT14DT	5	
8	177	AT170703	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17HK	5.5	
9	101	AT170604	Hoàng Hữu	Ánh	AT17GK	7.3	
10	152	AT170401	Nguyễn Quốc	Ân	AT17DK	6	
11	102	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16BT	K	Vắng thi
12	153	AT170705	Ngô Trí	Ban	AT17HK	5	
13	178	AT150605	Đỗ Quang	Bính	AT15GT	3	
14	103	AT160110	Nguyễn Văn	Cương	AT16AK	5	
15	127	AT170607	Tạ Quang	Chiến	AT17GK	2	
16	154	AT160108	Nguyễn Trọng	Chinh	AT16AK	5	
17	155	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14AT	K	Vắng thi
18	156	AT160309	Nguyễn Văn	Dũng	AT16CK	5	
19	157	AT170713	Đỗ Song	Dương	AT17HK	3	
20	128	AT170407	Trần QUỐC	Đám	AT17DK	K	Vắng thi
21	104	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17AP	1	
22	129	AT150411	Nguyễn Thành	Đạt	AT15DT	1	
23	158	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17BK	5	
24	179	AT170610	Chu Quang	Đạt	AT17GP	5.5	
25	159	AT170611	Dương Văn	Đoàn	AT17GK	3	
26	160	AT140507	Trần Hữu	Đồng	AT14EU	5.5	
27	130	AT160611	Phạm Văn	Đồng	AT16GK	K	Vắng thi
28	105	AT160513	Vũ Minh	Đức	AT16EK	3.5	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	131	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16BT	1	
30	132	AT160315	Nguyễn Văn	Đức	AT16CK	0	
31	161	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16AT	K	Vắng thi
32	133	AT140120	Hà Văn	Giỏi	AT14AT	0	
33	162	AT160712	Vũ Thu	Hà	AT16HK	3	
34	134	AT160221	Nguyễn Thanh	Hải	AT16BK	1	
35	135	AT170115	Tạ Đông	Hải	AT17AK	3.5	
36	106	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16EP	3	
37	107	AT160520	Vũ Minh	Hiếu	AT16EP	5	
38	180	AT150417	Hoàng Đức	Hiếu	AT15BT	5	
39	136	AT170718	Trần Anh	Hòa	AT17HK	3	
40	181	AT170421	Lê Việt	Hoàng	AT17DK	5	
41	182	AT160422	Nguyễn Bắc	Hoàng	AT16DK	5	
42	163	AT160131	Phan Thị	Hồng	AT16AK	1.5	
43	164	AT150422	Đỗ Chí	Hùng	AT15DT	5	
44	183	AT170323	Đào Quốc	Hùng	AT17CK	K	Vắng thi
45	137	AT160718	Bùi Hữu	Huy	AT16HT	5.5	
46	108	AT170324	Cù Tất	Hưng	AT17CK	5	
47	138	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17AK	1	
48	139	AT170721	Nguyễn Văn	Hưng	AT17HK	5	
49	109	AT170526	Nguyễn Văn	Hường	AT17EK	5	
50	140	AT160230	Phạm Công	Hường	AT16BT	5	
51	110	AT170127	Lê Trung	Kiên	AT17AK	5	
52	165	AT170726	Vũ Văn	Kiên	AT17HK	5	
53	111	AT170725	Mạc Đình	Khang	AT17HT	5	
54	166	AT170126	Mạc Bảo	Khanh	AT17AK	5	
55	112	AT170328	Phạm Tiến	Khánh	AT17CK	5	
56	141	AT160723	Vi Xuân	Lâm	AT16HK	0	
57	184	AT140823	Vũ Bá	Lâm	AT14IU	6.5	
58	185	AT160232	Nguyễn Thị	Lê	AT16BT	3	
59	167	AT160429	Nguyễn Đức	Long	AT16DK	3	
60	186	AT150332	Lê Gia	Long	AT15CT	3.5	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

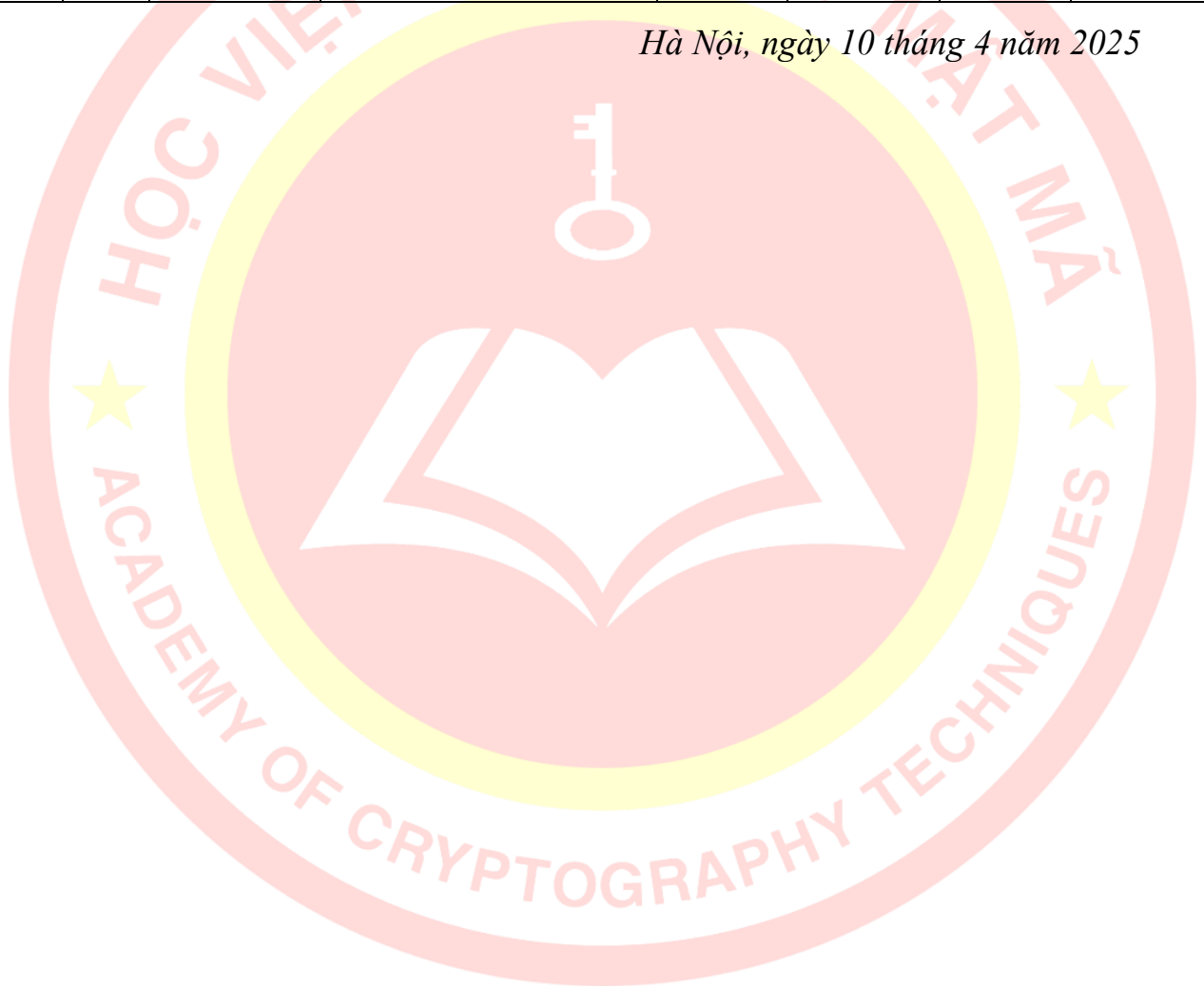
TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
61	142	AT160145	Đỗ Danh	Lục	AT16AP	1.5	
62	113	AT170235	Trần Công	Minh	AT17BK	1	
63	114	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17EK	5	
64	143	AT160237	Đào Nguyễn Nhật	Minh	AT16BT	6	
65	187	AT160238	Trần Đức	Minh	AT16BP	5.5	
66	115	AT160336	Nguyễn Văn	Nam	AT16CK	5	
67	168	AT130532	Đoàn Văn	Nam	AT13ET	3.8	
68	116	AT140432	Phạm Tuấn	Nghĩa	AT14DU	5.5	
69	188	AT170436	Lê Duy	Ngọc	AT17DK	5	
70	189	AT170735	Phạm Đức	Nhân	AT17HP	5	
71	190	AT170637	Nguyễn Long	Nhật	AT17GK	K	Vắng thi
72	191	AT160244	Nguyễn Thế	Phong	AT16BT	6.8	
73	144	AT170541	Phùng Văn	Quang	AT17EK	5	
74	192	AT170640	Cao Đắc	Quân	AT17GK	5.5	
75	117	AT170442	Đặng Văn	Sâm	AT17DK	6.5	
76	145	AT170741	Lê Văn	Song	AT17HK	5	
77	118	AT160249	Nguyễn Đình	Son	AT16BT	K	Vắng thi
78	119	AT150246	Trần Hồng	Son	AT15BT	5	
79	120	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17GK	K	Vắng thi
80	193	AT160351	Lê Văn	Tiền	AT16CK	6.5	
81	169	AT160750	Nguyễn Xuân	Tiếp	AT16HP	5	
82	121	AT140148	Sỹ Văn	Toàn	AT14AT	5	
83	122	AT160751	Trương Minh	Toàn	AT16HT	5	
84	199	AT170153	Hoàng Anh	Tú	AT17AK	5	
85	172	AT150463	Nguyễn Thanh	Tùng	AT15DT	3	
86	170	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14CT	6	
87	194	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15CT	K	Vắng thi
88	195	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15CT	5	
89	196	AT160347	Hoàng Văn	Thành	AT16CK	5	
90	197	AT150251	Nguyễn Quang	Thành	AT15BT	1.5	
91	146	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16GT	K	Vắng thi
92	198	AT170646	Trần Đức	Thắng	AT17GK	5	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
93	171	AT160650	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	AT16GT	5.5	
94	147	AT150259	Ngô Thị	Trình	AT15BT	K	Vắng thi
95	173	AT170351	Hoàng Bảo	Trung	AT17CK	5	
96	148	AT170752	Nguyễn Văn	Trường	AT17HP	5.5	
97	123	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16AK	0	
98	174	AT160559	Nguyễn Hữu	Vinh	AT16ET	5	
99	124	AT170156	Kim Lâm	Vũ	AT17AK	5	
100	149	AT170657	Nguyễn Thị Tường	Vy	AT17GK	5	

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2025 (Khoá AT13 – AT17). Lần 2

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	100	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17CK	3	
2	154	AT160201	Nguyễn Văn	An	AT16BK	6	
3	101	AT170603	Mai Vũ Quốc	Anh	AT17GK	5	
4	102	AT170703	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17HK	5	
5	127	AT170403	Dương Tuấn	Anh	AT17DK	1.3	
6	128	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17HK	5	
7	155	AT140401	Dương Trung	Anh	AT14DT	5	
8	156	AT170602	Nguyễn Trường	Anh	AT17GK	5.5	
9	157	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	AT17AK	K	Vắng thi
10	181	AT160405	Nguyễn Doãn Nam	Anh	AT16DK	5.8	
11	129	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16BT	K	Vắng thi
12	182	AT150405	Vũ Hồ	Bách	AT15DT	5.8	
13	130	AT150605	Đỗ Quang	Bính	AT15GT	6	
14	103	AT160110	Nguyễn Văn	Cương	AT16AK	0	
15	131	AT170707	Phạm Phú	Cường	AT17HK	5	
16	183	AT170306	Trương Văn	Chiêu	AT17CT	1.5	
17	132	AT160108	Nguyễn Trọng	Chinh	AT16AK	5	
18	104	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14AT	K	Vắng thi
19	133	AT140115	Nguyễn Đức	Duy	AT14AT	5	
20	184	AT130609	Lê Văn	Duy	AT13GT	6.5	
21	105	AT170713	Đỗ Song	Dương	AT17HK	1	
22	158	AT160509	Lê Hồng	Dương	AT16EP	3	
23	185	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16CK	5	
24	159	AT170407	Trần Quốc	Đảm	AT17DK	K	Vắng thi
25	160	AT170308	Lưu Nhật	Đan	AT17CT	2.5	
26	106	AT150411	Nguyễn Thành	Đạt	AT15DT	K	Vắng thi
27	107	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17AP	0.5	
28	186	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17BK	5.3	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	108	AT170611	Dương Văn	Đoàn	AT17GK	1	
30	134	AT160611	Phạm Văn	Đồng	AT16GK	K	Vắng thi
31	109	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16BT	0	
32	187	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16AT	K	Vắng thi
33	161	AT140120	Hà Văn	Giỏi	AT14AT	K	Vắng thi
34	188	AT160712	Vũ Thu	Hà	AT16HK	5	
35	110	AT160417	Vũ Đức	Hải	AT16DK	3	
36	135	AT160221	Nguyễn Thanh	Hải	AT16BK	5	
37	162	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16EP	6	
38	111	AT170618	Lê Minh	Hiếu	AT17GK	1	
39	163	AT160224	Ngô Đình	Hiếu	AT16BP	2.5	
40	189	AT150417	Hoàng Đức	Hiếu	AT15BT	1.5	
41	136	AT170718	Trần Anh	Hòa	AT17HK	5	
42	190	AT160328	Trương Đình	Hoàn	AT16CK	5	
43	164	AT160422	Nguyễn Bắc	Hoàng	AT16DK	5	
44	191	AT160131	Phan Thị	Hồng	AT16AK	K	Vắng thi
45	137	AT170720	Đào Duy	Hùng	AT17HK	6	
46	165	AT140122	Bùi Thanh	Hùng	AT14AT	6.5	
47	166	AT170524	Nguyễn Sỹ	Hùng	AT17EP	7.5	
48	192	AT150422	Đỗ Chí	Hùng	AT15DT	5.3	
49	112	AT170724	Phạm Quang	Huy	AT17HK	7.5	
50	193	AT160718	Bùi Hữu	Huy	AT16HT	5	
51	113	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17AK	1	
52	114	AT170721	Nguyễn Văn	Hưng	AT17HK	2.8	
53	167	AT170624	Lê Minh	Hưng	AT17GK	K	Vắng thi
54	194	AT170324	Cù Tất	Hưng	AT17CK	5	
55	195	AT170726	Vũ Văn	Kiên	AT17HK	K	Vắng thi
56	115	AT170725	Mạc Đình	Khang	AT17HT	5.3	
57	196	AT140823	Vũ Bá	Lâm	AT14IU	2.5	
58	138	AT160145	Đỗ Danh	Lực	AT16AP	6.8	
59	197	AT160334	Nguyễn Văn	Mạnh	AT16CK	5	
60	116	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17EK	2	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
61	139	AT170235	Trần Công	Minh	AT17BK	1	
62	168	AT160237	Đào Nguyễn Nhật	Minh	AT16BT	5.3	
63	198	AT170730	Vu Quang	Minh	AT17HP	5.3	
64	117	AT160630	Nguyễn Thị Trà	My	AT16GK	5	
65	169	AT160728	Nguyễn Trương Giáng	My	AT16HT	6.8	
66	118	AT160337	Quách Thành	Nam	AT16CK	0.5	
67	140	AT160336	Nguyễn Văn	Nam	AT16CK	2.5	
68	170	AT130532	Đoàn Văn	Nam	AT13ET	5	
69	199	AT170636	Đỗ Hoài	Nam	AT17GK	5	
70	200	AT140432	Phạm Tuấn	Nghĩa	AT14DU	5	
71	119	AT170735	Phạm Đức	Nhân	AT17HP	5	
72	120	AT160733	Lê Duy	Nhất	AT16HK	6	
73	121	AT170637	Nguyễn Long	Nhật	AT17GK	K	Vắng thi
74	122	AT170337	Nguyễn Trần Long	Nhật	AT17CT	5.5	
75	171	AT170136	Nguyễn Cao	Phi	AT17AP	5	
76	141	AT170736	Lê Xuân Vũ	Phong	AT17HK	5.5	
77	201	AT160244	Nguyễn Thế	Phong	AT16BT	6.5	
78	123	AT170137	Đặng Thanh	Phương	AT17AK	5.3	
79	202	AT170640	Cao Đắc	Quân	AT17GK	5	
80	172	AT170741	Lê Văn	Song	AT17HK	5	
81	173	AT160249	Nguyễn Đình	Son	AT16BT	K	Vắng thi
82	203	AT160154	Đỗ Trung	Son	AT16AT	K	Vắng thi
83	204	AT150246	Trần Hồng	Son	AT15BT	5	
84	174	AT170742	Đỗ Anh	Tài	AT17HK	5.3	
85	175	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17GK	3	
86	176	AT160750	Nguyễn Xuân	Tiếp	AT16HP	5.3	
87	142	AT160751	Trương Minh	Toàn	AT16HT	0.5	
88	177	AT140148	Sỹ Văn	Toàn	AT14AT	6.5	
89	143	AT150655	Trần Văn	Toán	AT15GU	5.5	
90	144	AT150463	Nguyễn Thanh	Tùng	AT15DT	6	
91	124	AT160657	Nguyễn Thị	Tuyền	AT16GK	5	
92	145	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15CT	K	Vắng thi

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2 (lần 2)**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
93	205	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14CT	2	
94	146	AT160347	Hoàng Văn	Thành	AT16CK	2.8	
95	178	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15CT	5	
96	147	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16GT	K	Vắng thi
97	148	AT160745	Nguyễn Đức	Thắng	AT16HT	7.3	
98	179	AT170248	Trần Văn	Thiệp	AT17BT	3	
99	206	AT150256	Nguyễn Đăng	Thuần	AT15BU	3	
100	125	AT150259	Ngô Thị	Trinh	AT15BT	K	Vắng thi
101	149	AT170351	Hoàng Bảo	Trung	AT17CK	5	
102	150	AT160652	Nguyễn Đức	Trung	AT16GK	5	
103	151	AT160753	Trần Hữu	Trung	AT16HT	5	
104	152	AT170752	Nguyễn Văn	Trường	AT17HP	5	
105	180	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16AK	K	Vắng thi
106	153	AT160559	Nguyễn Hữu	Vinh	AT16ET	5.5	
107	126	AT170557	Nguyễn Minh	Vũ	AT17EP	5.5	
108	207	AT170156	Kim Lâm	Vũ	AT17AK	5.3	
109	208	AT170657	Nguyễn Thị Tường	Vy	AT17GK	2	

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025